HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM
HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 99 /TB-HVPNVN

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO

Điểm trúng tuyển đại học chính quy vào Học viện Phụ nữ Việt Nam năm 2022, Kế hoạch nhập học và học tập năm học 2022 – 2023

Căn cứ Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Đề án Tuyển sinh năm 2022 của Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ kết quả họp Hội đồng Tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2022 của Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Học viện Phụ nữ Việt Nam trân trọng thông báo:

1. Điểm trúng tuyển theo phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT:

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Điểm trúng tuyển[1]
1	Truyền thông đa phương tiện *(2 chuyên ngành Thiết kế đa phương tiện và Báo chí truyền thông)*	7320104	A00, A01, C00, D01	24.0
2	Quản trị kinh doanh[2]	7340101		
2.1	Quản trị kinh doanh *(4 chuyên ngành: Marketing và Kinh doanh điện tử, Tài chính và Đầu tư, Tổ chức và Nhân lực, Kinh doanh và Thương mại quốc tế)*	7340101	A00, A01, D01	23.0
			C00	24.0
2.2	Quản trị kinh doanh *(hệ Chất lượng cao)*	7340101CLC	A00, A01, D01	23.0
			C00	24.0
2.3	Quản trị kinh doanh *(hệ Liên kết Quốc tế chuyên ngành Kinh doanh và Thương mại quốc tế)*	7340101LK	A00, A01, C00, D01	16.0
3	Luật *(2 chuyên ngành Luật Hành chính, Luật Dân sự)*	7380101	A00, A01, C00, D01	20.0
4	Luật kinh tế	7380107	A00, A01, C00, D01	18.5

[1] Đã bao gồm điểm ưu tiên

[2] Đối với Chương trình Chất lượng cao và Liên kết Quốc tế, Học viện sẽ xác minh, đánh giá năng lực ngoại ngữ khi thí sinh nhập học.

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Điểm trúng tuyển[1]
5	Quản trị Dịch vụ Du lịch và lữ hành *(2 chuyên ngành Quản trị lữ hành và Quản trị Khách sạn)*	7810103	A00, A01, D01, C00	21.0
6	Kinh tế *(2 chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế quốc tế)*	7310101	A00, A01, D01	19.5
			C00	20.5
7	Tâm lý học *(2 chuyên ngành Tham vấn – Trị liệu và Tâm lý ứng dụng trong Hôn nhân - gia đình)*	7310401	A00, A01, C00, D01	19.5
8	Xã hội học	7310301	A00, A01, C00, D01	23.5
9	Công nghệ thông tin *(2 chuyên ngành Công nghệ phần mềm và Trí tuệ nhân tạo; Quản trị hệ thống mạng)*	7480201	A00, A01, D01, D09	16.0
10	Giới và Phát triển	7310399	A00, A01, C00, D01	15.0
11	Công tác xã hội	7760101	A00, A01, C00, D01	15.0

2. Điểm trúng tuyển theo phương thức xét kết quả học tập THPT (học bạ)

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Điểm trúng tuyển
1	Truyền thông đa phương tiện *(2 chuyên ngành Thiết kế đa phương tiện và Báo chí truyền thông)*	7320104	A00, A01, C00, D01	25.0
2	Quản trị kinh doanh	7340101		
2.1	Quản trị kinh doanh *(4 chuyên ngành: Marketing và Kinh doanh điện tử, Tài chính và Đầu tư, Tổ chức và Nhân lực, Kinh doanh và Thương mại quốc tế)*	7340101	A00, A01, D01	23.0
			C00	24.0
2.2	Quản trị kinh doanh *(hệ Chất lượng cao)*	7340101 CLC	A00, A01, D01	23.0
			C00	24.0
2.3	Quản trị kinh doanh *(hệ Liên kết Quốc tế chuyên ngành Kinh doanh và Thương mại quốc tế)*	7340101 LK	A00, A01, C00, D01	18.0

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Điểm trúng tuyển
3	Luật *(2 chuyên ngành Luật Hành chính, Luật Dân sự)*	7380101	A00, A01, C00, D01	21.5
4	Luật kinh tế	7380107	A00, A01, C00, D01	21.0
5	Quản trị Dịch vụ Du lịch và lữ hành *(2 chuyên ngành Quản trị lữ hành và Quản trị Khách sạn)*	7810103	A00, A01, D01, C00	22.0
6	Kinh tế *(2 chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế quốc tế)*	7310101	A00, A01, D01	20.0
			C00	21.0
7	Tâm lý học *(2 chuyên ngành Tham vấn – Trị liệu và Tâm lý ứng dụng trong Hôn nhân - gia đình)*	7310401	A00, A01, C00, D01	21.0
8	Xã hội học	7310301	A00, A01, C00, D01	18.0
9	Công nghệ thông tin *(2 chuyên ngành Công nghệ phần mềm và Trí tuệ nhân tạo; Quản trị hệ thống mạng)*	7480201	A00, A01, D01, D09	19.0
10	Giới và phát triển	7310399	A00, A01, C00, D01	18.0
11	Công tác xã hội	7760101	A00, A01, C00, D01	18.0

3. Tra cứu, thông báo Kết quả trúng tuyển:

- Tra cứu kết quả tại link: *https://tuyensinh.hvpnvn.edu.vn/tracuu*
- Học viện gửi **Giấy báo trúng tuyển** bản mềm (file PDF) cho thí sinh qua email thí sinh đã đăng ký. Những thí sinh có nhu cầu nhận **Giấy báo trúng tuyển** bản cứng sẽ liên hệ với số hotline ở dưới để được gửi về đúng địa chỉ theo yêu cầu. Những thí sinh trúng tuyển nhưng không nhận được giấy báo trúng tuyển vẫn đến nhập học chính thức tại Học viện *(có danh sách kèm theo Thông báo).*

4. Nhập học *(thời gian, hồ sơ, hướng dẫn nhập học)*

4.1. Thời gian xác nhận nhập học và nhập học chính thức:

- Xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ ngày 18/9/2022 đến 17 giờ 00 ngày 30/9/2022.
- Học viện tổ chức đón tiếp sinh viên đến **nhập học chính thức trong 2 ngày 23-24/9/2022** tại Hội trường 1 của Học viện (xem mục 4.3).

4.2. Hồ sơ nhập học: bao gồm các loại giấy tờ sau:

1) Bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022.

2) Bản chính Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời hoặc bản chính và bản sao có công chứng/chứng thực bằng tốt nghiệp THPT.

3) Bản chính và bản sao có công chứng/chứng thực Học bạ THPT.

4) Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên tuyển sinh theo quy định (nếu có).

5) Hai (02) Bản sao có công chứng/chứng thực chứng minh nhân dân (CMND) hoặc căn cước công dân (CCCD).

6) Hai (02) ảnh chụp chân dung cỡ 4x6 cm kiểu CMND (không quá 6 tháng).

7) Hai (02) bản chính lý lịch Học sinh - Sinh viên có xác nhận của địa phương.

8) Bản sao có công chứng/chứng thực Giấy khai sinh.

9) Bản photocopy thẻ bảo hiểm y tế đang sử dụng.

10) Giấy chuyển sinh hoạt Đảng (nếu có).

11) Sổ Đoàn viên.

12) Giấy chứng nhận đăng ký nghĩa vụ quân sự do Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện (huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh) cấp; giấy xác nhận đăng ký vắng mặt do Ban Chỉ huy quân sự xã (phường, thị trấn) nơi đăng kí hộ khẩu thường trú cấp (áp dụng đối với sinh viên nam).

13) Sổ hộ khẩu gia đình (01 bản sao công chứng/chứng thực) hoặc Giấy xác nhận thông tin cư trú do công an xã/phường/thị trấn cấp.

14) Hồ sơ xét miễn giảm học phí (nếu có): quét mã QR tại đây để xem thông tin chi tiết.

4.3. Cách thức nhập học: Thí sinh bắt buộc thực hiện 02 Bước sau:

Bước 1: Thí sinh xác nhận nhập học trực tuyến trên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định của Bộ (thời gian từ ngày 18/9/2022 đến trước 17 giờ 00 ngày 30/9/2022). Những thí sinh chưa/ không thể xác nhận nhập học trực tuyến vẫn đến nhập học chính thức để được Học viện hỗ trợ.

Bước 2: Thí sinh nhập học trực tiếp tại Học viện Phụ nữ Việt Nam. Thời gian nhập học từ ngày 18/9/2022 đến trước 17 giờ 00 ngày 30/9/2022.

Ngày 23 – 24/9/2022, Học viện tổ chức các Khoa/Phòng/Ban/Viện/Đoàn Thanh niên trực tiếp đón thí sinh đến nhập học tại Học viện. Thí sinh nhập học nộp hồ sơ theo Mục 3.2, nộp tiền học phí và các khoản lệ phí theo hướng dẫn tại mục 5 và Phụ lục Thông báo.

5. Học phí và các khoản chi phí khác

- Lệ phí nhập học: 100.000 đồng.
- Học phí Học kỳ I năm học 2022 - 2023: theo Phụ lục kèm theo Thông báo.
- Thẻ sinh viên tích hợp (thẻ sinh viên, thư viện, thẻ ATM) và bộ dây đeo thẻ: 110.000 đồng (đã bao gồm số dư trong thẻ 50.000 đồng)
- Sổ tay sinh viên: 75.000 đồng
- Bảo hiểm y tế (bắt buộc): từ 01/10/2022 đến 31/12/2023): 705.000 đồng
- Kiểm tra tiếng Anh đầu vào: 150.000 đồng.
- Bảo hiểm thân thể (không bắt buộc): 360.000 đồng (4 năm học)
- Đồng phục sinh viên Học viện: 400.000 đồng (nộp trực tiếp cho đơn vị cung cấp dịch vụ khi đến nhập học chính thức).
- Khám sức khỏe: 200.000 đồng (nộp trực tiếp cho đơn vị khám chữa bệnh theo lịch khám sức khỏe đầu vào – Mục 5).

- Kinh phí Kí túc xá - KTX (đối với sinh viên có nhu cầu): 250.000 đồng/tháng (đối với KTX nhà A1-chưa bao gồm tiền dịch vụ vệ sinh, tiền nước, sử dụng máy vắt khô quần áo); 450.000 đồng/tháng (đối với KTX nhà A2-chưa bao gồm tiền dịch vụ vệ sinh, thang máy, tiền nước, sử dụng máy vắt khô quần áo). Thí sinh đăng ký KTX phải nộp đặt cọc 300.000 đồng (đối với KTX nhà A1) hoặc 500.000 đồng (đối với KTX nhà A2). Sinh viên đăng ký ở KTX theo 2 hình thức: đăng ký trực tiếp tại Học viện (Phòng 102 nhà A2) hoặc đăng ký online tại địa chỉ: https://bit.ly/3S9PxRf (khi nhập học trực tiếp sinh viên đến tại Phòng 102 nhà A2 để hoàn thiện hồ sơ).
- Phương thức nộp tiền: Thí sinh đến làm thủ tục nhập học chính thức có thể nộp tiền trực tiếp tại bàn thu tiền hoặc chuyển khoản theo các thông tin sau:

Ngân hàng: *Đơn vị thụ hưởng: Học viện Phụ nữ Việt Nam*
Số tài khoản: 1200208033731 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank), Chi nhánh Sở giao dịch.
Nội dung chuyển khoản: ***YÊU CẦU*** *ghi đầy đủ: Họ tên - Ngày tháng năm sinh - Mã sinh viên - Nộp tiền học (VD: Nguyen Van A 01012003 2173410000 Nop tien hoc)*

**** Lưu ý:***
- Thí sinh chỉ được coi là sinh viên của Học viện khi thực hiện đầy đủ các yêu cầu về thủ tục xác nhận nhập học, hồ sơ nhập học và nghĩa vụ tài chính.
- Học viện không hoàn trả các khoản thu nếu sinh viên xin thôi học sau khi đã nhập học.

6. Những hoạt động quan trọng của tân sinh viên sau nhập học:

1) Lễ Khai giảng năm học mới và kỷ niệm 10 năm thành lập Học viện Phụ nữ Việt Nam: sáng ngày 06/10/2022.
2) Đại nhạc hội Chào tân sinh viên Khóa 10: 19h00 ngày 06/10/2022.
3) Giải bóng đá sinh viên Học viện năm 2022: 25/9 – 20/10/2022.
4) Tuần sinh hoạt Công dân - Sinh viên đầu khoá: từ ngày 10 - 14/10/2022.
5) Khám sức khỏe đầu khóa học: từ 15 - 16/10/2022
6) Học chính thức học kỳ I năm học 2022 - 2023: từ ngày 17/10/2022.
7) Cuộc thi Sinh viên thanh lịch năm 2022 (gần 10 trường đại học tham gia tại Học viện Phụ nữ Việt Nam): từ 01 – 20/10/2022.

THÔNG TIN LIÊN HỆ:

Phòng Đào tạo, Học viện Phụ nữ Việt Nam, 68 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.
Điện thoại: *(024)3.775.1750;* Hotline: *091.2347895 (TS. Nguyễn Phi Long), 0826.228899 (ThS. Trần Văn Thắng), 0912.991355 (ThS. An Vũ Tùng Lâm).*

Thí sinh nghiên cứu kỹ thông báo và nhanh chóng thực hiện xác nhận nhập học trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chuẩn bị các hồ sơ để đến nhập học chính thức đúng hạn.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:
- Website Học viện;
- Thành viên BGĐ;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc;
- Lưu VT, HĐTS.

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

PGS. TS. Trần Quang Tiến

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM
HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM
*

PHỤ LỤC: ĐỊNH MỨC HỌC PHÍ HỌC KỲ I - NĂM 2022-2023

STT	Ngành	Hệ chính quy và hệ liên thông trong giờ hành chính *(VNĐ/tín chỉ)*	Số tín chỉ	Thành tiền *(VNĐ)*	Ghi chú
1.	Quản trị kinh doanh				
1.1	Quản trị kinh doanh	334.000	17	5.678.000	*Thực hiện theo các quyết định về việc quy định mức thu các khoản phí năm học 2022-2023*
1.2	Quản trị kinh doanh (hệ Chất lượng cao)	500.000 *(sau khi đã miễn giảm 60% học phí cho sinh viên năm đầu tiên)*	18	9.000.000	
1.3	Quản trị kinh doanh (hệ Liên kết Quốc tế)	500.000 *(sau khi đã miễn giảm 60% học phí cho sinh viên năm đầu tiên)*	18	9.000.000	
2	Luật Kinh tế	334.000	16	5.344.000	
3	Luật	331.000	17	5.627.000	
4	Công nghệ thông tin	400.000	17	6.800.000	
5	Công tác xã hội	318.000	20	6.360.000	
6	Giới và Phát triển	318.000	17	5.406.000	
7	Truyền thông đa phương tiện	360.000	18	6.480.000	
8	Quản trị Du lịch & lữ hành	321.000	17	5.457.000	
9	Tâm lý học	321.000	16	5.136.000	
10	Kinh tế	321.000	18	5.778.000	
11	Xã hội học	321.000	19	6.099.000	

- ***Chế độ ưu đãi:*** Chỉ áp dụng khi sinh viên hệ chính quy nộp ngay khi nhập học hoặc tuần đầu tiên của học kỳ I. Áp dụng mức **giảm 5%** trên tổng học phí trong trường hợp sinh viên nộp học phí cho cả 1 năm học (tương đương 35 tín chỉ/1 năm học).